

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 12/01/2023

V/v: Tranh chấp hôn
nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sinh Chi
2. Ông Trương Công Định

- Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Ông Bùi Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 55/2022/QĐXX - ST ngày 14 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên Tòa số 41/2022/QĐST- HNGĐ ngày 30/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1973.
2. Anh Đàm Văn L, sinh năm 1975.

Đều nơi cư trú: Thôn Phúc Khánh, xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (Anh L vắng mặt tại phiên Tòa, chị M có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/6/2022, cũng như tại bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Chị và anh L kết hôn với nhau ngày 02/9/2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian

ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là thời điểm trước đây anh L làm việc tại Công ty bia Thái Bình, thu nhập 1 – 2 triệu đồng/ tháng và làm thêm công việc sơn nhà thuê. Chị làm tại công ty May từ năm 2007 - 2019, thu nhập 7 – 8 triệu đồng/ tháng. Kinh tế vợ chồng chị không về một mối, trước đây chỉ một mình chị lo mọi thứ chi tiêu trong gia đình, tới năm 2015 anh L mới hỗ trợ chị chi phí lo cho con. Do đó, vợ chồng chị phát sinh bất đồng quan điểm về lối sống và cách nuôi dạy con. Hơn nữa anh L cũng có biểu hiện nhấn tin cho với người khác nhưng chị không có căn cứ. Vợ chồng chị ly thân từ khoảng tháng 8/2022 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh L, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị xin được ly hôn anh L. Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung Đàm Trí T, sinh ngày 01/10/2004, Đàm Thị T1, sinh ngày 29/3/2007. Đối với con Thanh đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin nuôi con T1 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh L trình bày: Thời điểm kết hôn và hoàn cảnh kết hôn như chị M trình bày là đúng. Theo anh, lời khai của chị M là không đúng bản thân anh tu chí làm ăn, nuôi vợ con, không tệ nạn xã hội, tình cảm hòa nhã với xóm làng, hết lòng yêu thương vợ con. Năm 2022, chị M đi công bố ốm trên Hà Nội hơn 1 tháng khi về được mấy hôm thì chị viết đơn xin ly hôn, anh không hiểu lý do vì sao. Anh có bảo mời nội ngoại xuống thì chị M không nghe và không muốn gần anh. Từ lúc đó, đa số buổi tối ăn cơm xong chị M trang điểm đi từ 19h đến 22h. Có hôm chị M đi tới 12h đêm, anh điện thoại không nghe máy và chị M cũng không gọi lại, không bảo gì với anh là đi đâu. Con gái anh ngã đập đầu xuống đường xây xát, chị M chở con về để đầy rồi lại đi chơi tiếp. Anh ở quê lên thấy vậy, chở con đi viện, điện cho chị M không nghe máy dù có đổ chuông và cũng không gọi lại. Từ trước đến giờ, chị M thường xuyên đi ăn uống nhà hàng, đi chơi cùng bạn bè, đi rất nhiều lần mà không báo với anh. Năm trước, chị M chở con gái đi nói dối anh đi đám ma nhưng lại gửi con chỗ khác rồi lại ra nhà hàng ăn. Chị M đi Hà Nội qua đêm thăm con trai lớn cũng không báo anh là ngủ ở đâu, điện thoại không liên lạc được. Có lần anh gọi về, chị M bảo về viết đơn ly hôn. Trong một hai lần xích mích trước đây, chị M đều cầm cốc ném anh, đập vỡ kính bàn uống nước, cầm dao ném anh, đập anh xuống giường. Chị M không chu toàn trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái, khi con gái anh đi chơi chị M cũng rất ít khi gọi hỏi con ở đâu. Anh dạy con thì chị M bảo: “ Nó lớn rồi, kệ nó”. Chị M còn chửi con trai anh với lời lẽ nặng nề. Chị M tự ý bỏ về bên ngoại ở, anh có lên tìm 3 lần bảo chị M về. Sau khi chị M từ nhà ngoại về luôn xung hô mày – tao với anh. Từ khi lấy nhau, anh không hỏi về lương chị M. Hàng tháng, chị M chỉ đóng tiền điện và tiền mua quần áo cho con, thi thoảng mua bữa tối. Còn lại tất cả khoản chi phí trong gia đình đều là anh lo hết. Cho đến hiện tại, trong nhà, chị M chỉ mua

sắm được một tủ quần áo và bát đĩa dùng trong gia đình. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là không muốn ly hôn và muốn gia đình đoàn tụ nhưng nếu chị M kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị M trình bày là đúng. Hiện nay cháu T đã trưởng thành. Anh xin nuôi cháu T1 và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn anh Đàm Văn L. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đàm Thị T1, sinh ngày 29/3/2007 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Đàm Trí T, sinh ngày 01/10/2004 đã trưởng thành nên không phải giải quyết. Anh L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh L và chị M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà.

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo trình tự vắng mặt của nguyên đơn. Anh Đàm Văn L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

- Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Đàm Văn L kết hôn với nhau có đăng ký ngày 02/9/2002, tại Ủy ban nhân dân xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống giữa chị M và anh L không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, chị M và anh L đều bất đồng về suy nghĩ cũng như lối sống, hành động đều trái ngược nhau, do đó hai bên không quan tâm, không có trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Chị M kiên quyết xin

ly hôn anh L và hơn nữa anh L không có biện pháp gì cải thiện quan hệ hôn nhân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết M, xử cho chị M được ly hôn anh L.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị M và anh L có hai con chung Đàm Trí T, sinh ngày 01/10/2004, Đàm Thị T1, sinh ngày 29/3/2007. Quan điểm của chị M, anh L đều xin nuôi con Đàm Thị T1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị M có thu nhập ổn định và nguyện vọng cháu Thảo muốn ở với mẹ nên cần giao cho chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Thị Thảo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị M và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị M phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Trả lại chị Nguyễn Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình số tiền là 5.000.000 đồng theo biên lai số 0000748 ngày 12/10/2022.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn anh Đàm Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đàm Thị T1, sinh ngày 29/3/2007 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh L, chị M có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Đàm Văn L đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Nguyễn Thị Tuyết M 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Đàm Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Thái Nguyên
huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

